

MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỂ CHUẨN HÓA BẢNG CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

LÊ VINH QUỐC*

TÓM TẮT

Bài viết phân tích một số nhược điểm và thiếu sót của Bảng chữ cái tiếng Việt hiện hành: có một số chữ cái bị kì thị (Ă, Â, Đ, Ê, Ô, Ơ, U) và lại thiếu 4 chữ cái đã trở nên thông dụng trong tiếng Việt hiện đại là F, J, W, và Z. Dựa trên sự phân tích đó, chúng tôi đề xuất một số biện pháp để chuẩn hóa Bảng chữ cái tiếng Việt hiện đại.

Từ khóa: bảng chữ cái, kì thị, chuẩn hóa, chữ cái, tiếng Việt.

ABSTRACT

Some suggestions to standardize the vietnamese alphabet

This article analyses some shortcomings of the current vietnamese alphabet. The letters Ă, Â, Đ, Ê, Ô, Ơ and U are usually discriminated; the letters F, J, W and Z do not belong to the vietnamese alphabet but have been used more frequently in the modern vietnamese language. Based on this analysis, some suggestions have been made to standardize the modern vietnamese alphabet.

Keywords: Alphabet, discriminate, standardize, letter, Vietnamese language.

1. Đặt vấn đề

Từ khi giáo sĩ Alexandre de Rhodes xuất bản cuốn Tự điển Vietnamese-Latin-Portugues tại Rome năm 1651 cho đến nay, bảng Alphabet tiếng Việt theo mẫu tự Latin đã tồn tại hơn 360 năm, được chính thức thừa nhận là Bảng chữ cái “quốc ngữ” của Việt Nam từ 100 năm trước và cũng chính là Bảng chữ cái tiếng Việt hiện hành. Với 29 chữ cái được quy định trong đó, Bảng này đã và đang được giảng dạy trong nhà trường, đồng thời áp dụng vào đời sống một cách thành thạo tưởng chừng như không có vấn đề gì phải bàn cãi nữa. Tuy nhiên, khi Việt Nam bước vào thời kì hội nhập quốc tế trong nền văn minh công nghệ thông tin, thì sự phát triển của tiếng Việt hiện đại đã bộc

lộ một số vấn đề cần giải quyết, nhằm giúp cho bảng chữ cái tiếng Việt ngày càng hoàn thiện hơn.

2. Những chữ cái bị kì thị

Trong bảng chữ cái tiếng Việt hiện hành có 7 chữ đặc biệt, được tạo thành bằng cách bổ sung các dấu hiệu (“thêm mũ, thêm râu”) vào 5 chữ cái Latin gốc (A, D, E, O, U) để làm thành những chữ cái mới cho riêng tiếng Việt (tạm gọi là các chữ biến thể). Đó là: Ă và Â (biến thể của A), Đ (biến thể của D), Ê (biến thể của E), Ô và Ơ (biến thể của O), U (biến thể của U) [3, tr.226].

Nếu chỉ sử dụng để đánh vần (hay ghép vần), đọc, viết hay biên soạn từ điển, thì những chữ biến thể này dường như không có vấn đề gì phải bàn. Nhưng khi sử dụng chúng trong những trường hợp khác, thì lại có vấn đề phát sinh.

Khi cần sắp xếp một hệ thống nào

* TS, nguyên Giảng viên chính
Trường Đại học Sư phạm TP HCM

đó theo vần chữ cái, người ta chỉ dùng các chữ cái Latin gốc mà không dùng đến các chữ cái biến thể. Chẳng hạn, khi dùng bảng chữ cái để ghi kí hiệu các hàng ghế của hội trường, nhà hát, rạp chiếu bóng, sân vận động hay tàu xe, người ta đều ghi theo thứ tự như sau: A, B, C, D, E, G (...), O, P, Q (...), T, U, V, X, Y... Như vậy tức là các chữ biến thể (Ă, Â, Đ, Ê, Ô, Ơ, U) đã hoàn toàn bị loại bỏ.

Khi cần trình bày các luận điểm theo thứ tự vần chữ cái, người ta cũng thân nhiên bỏ qua những chữ đó: trình tự các đề mục là a-b-c chứ không phải a-ă-â. Trong các môn học ở nhà trường, khi cần dùng bảng chữ cái để trình bày các kí hiệu hay công thức, những chữ này cũng không bao giờ được áp dụng. Chẳng hạn ở môn hình học luôn có tam giác A-B-C, nhưng chưa bao giờ có tam giác A-Ă-Â!

Ngay từ đầu thế kỉ XX, người ta đã loại bỏ 7 chữ cái biến thể đó để thay chúng bằng những chữ cái nguyên mẫu theo quy tắc đặc biệt trong ngôn ngữ điện tín (sẽ minh họa cụ thể ở phần dưới). Cho đến nay, khi áp dụng bảng chữ cái tiếng Việt vào công nghệ thông tin, người ta chỉ dùng phong chữ tiếng Việt với đủ các chữ biến thể khi phải viết các văn bản tiếng Việt, còn trong những trường hợp khác thì sự kì thị đối với các chữ “thêm mũ, thêm râu” đó đã gần như tuyệt đối. Tất cả các địa chỉ web và địa chỉ e-mail đều loại bỏ hoàn toàn các chữ cái biến thể của phong chữ tiếng Việt để chỉ dùng chữ cái gốc Latin. Thí dụ: địa chỉ e-mail của một người tên là Trương Văn Đường phải là “truongvandung@yahoo.com”, nghĩa là loại bỏ hết các chữ ă, ư, ơ, đ

cùng với dấu huyền. Khi dùng điện thoại di động để nhắn tin, người ta cũng thường bỏ hết những chữ “thêm mũ, thêm râu” trong phong chữ tiếng Việt (trừ trường hợp thật cần thiết mới dùng).

Như vậy, trong học thuật cũng như trong cuộc sống hàng ngày, sự kì thị đối với các chữ cái biến thể từ lâu đã trở nên hết sức phổ biến, đến mức người ta xem đó là chuyện đương nhiên và bình thường. Nhưng nếu xét về tính khoa học của một ngôn ngữ, thì việc 7/29 tức gần

$\frac{1}{4}$ số chữ cái không được sử dụng trong các trường hợp nêu trên lại cho thấy sự không bình thường của bảng chữ cái chính thức: những chữ cái biến thể không được coi là bình đẳng với những chữ khác, chúng trở thành những chữ cái bị kì thị so với những chữ khác. Điều đó chứng tỏ rằng bảng chữ cái hiện hành thiếu tính chính xác và nhất quán để áp dụng thống nhất cho mọi trường hợp. Chính bảng chữ cái quốc ngữ đầu tiên do Nha Học chính Đông Dương thuộc Pháp công bố năm 1925 trong cuốn “Quốc văn Giáo khoa thư” dùng cho lớp Đồng ầu đã bảo đảm cho tính chính xác và nhất quán của nó khi xác định bảng chữ cái chính thức chỉ gồm 22 chữ gốc Latin, coi những chữ “đội mũ thêm râu” chỉ là những biến thể về âm [5, tr.38].

3. Những chữ cái được dùng lại

Trong khi 7 chữ có vị trí chính thức trong bảng chữ cái nói trên bị kì thị, thì 4 chữ F, J, W và Z không có trong bảng đó lại được sử dụng thường xuyên và ngày càng phổ biến [3, tr.227-228].

Đầu thế kỉ XX, theo sáng kiến của

học giả Nguyễn Văn Vĩnh, cả 4 chữ cái này đã được dùng trong ngôn ngữ điện tín để thay cho dấu giọng và thay cho những chữ “thêm mũ, thêm râu” nêu trên. Cho đến nay, ngôn ngữ điện tín này vẫn được sử dụng nguyên vẹn, trong đó chữ F được dùng thay dấu huyền, J thay dấu nặng; W thay chữ U, thay dấu mũ của chữ A và râu của chữ O; chữ Z thay chữ D... Bên cạnh đó, chữ S thay dấu sắc, R thay dấu hỏi, X thay dấu ngã; và các chữ A, O, E được viết thành AA, OO và EE. Thí dụ một bức điện: *“Ngayf 21 thangs 12 nawm 2012, cuoocj Hooij thaor Khoa hocj Quoocs gia veef Zaan toocj hocj sex khai macj taij Haf Nooij”*. Đây là ngôn ngữ điện tín của Việt Nam, nhưng lại phải dùng 4 chữ F, J, W, Z không có trong bảng chữ cái tiếng Việt. Không dùng lại ở đó, 4 chữ cái này luôn được dùng khi ghi kí hiệu các hàng ghế ở những nơi công cộng, thâm nhập nhanh chóng vào tiếng Việt dùng cho khoa học, truyền thông, giao tiếp và ngày càng trở nên thông dụng.

Chữ F nằm trong học vần ở nhà trường từ lâu với “lực F”, thang nhiệt độ F, các nguyên tố hóa học Flo, Fe... Trong quan hệ quốc tế, dân ta đã rất quen với tên các tổ chức được viết tắt theo tiếng Anh như UNICEF, FAO, IMF... Riêng về thể thao, đó là FIFA, UEFC, AFC, FIBA, FIDE... và cả VFF. Trong văn hóa và nghệ thuật, từ “phim” Việt hóa dần được thay thế bằng từ “film” chính gốc châu Âu; do vậy, Hãng phim Thành phố Hồ Chí Minh được gọi tắt là TFS. Những từ viết tắt như FAFILM, FAHASA... đều trở nên quen thuộc, còn từ festival thì

được sử dụng rất nhiều. Trong xã hội, người ta đã quá quen với tần số phát thanh FM, máy fax, đèn flash, café hay bánh flan...

Chữ J cũng được dùng từ lâu trong nhà trường với thời đại cổ sinh học “Ki Jura” hay định luật “Jun – Len-xơ”... Dân ta đã rất quen với nhạc jazz, quần jeans, võ judo, vũ điệu jive, thịt jambon, áo jacket...

Chữ W cũng được người Việt làm quen từ trong nhà trường với các kí hiệu W, KW chỉ công suất điện, với nguyên tố hóa học Wonfram... Trong xã hội, nó thường xuyên xuất hiện với những tên viết tắt của các tổ chức quốc tế như WB, WTO, WHO... Dân ta đã quen với chữ viết tắt WC ở những nơi công cộng. Nhưng chữ W xuất hiện với tần suất dày đặc nhất là khi người ta truy cập thông tin trên mạng internet, bởi vì mọi website đều gắn liền với chùm kí tự www. Do không có trong bảng chữ cái tiếng Việt nhưng lại phải đọc rất nhiều, nên chữ W đã được dân ta gọi bằng nhiều tên khác nhau, khi thì “vê kép”, lúc lại “vê đúp”, có khi là “đúplovê”, có lúc lại “đápbânvi” hoặc “đápbliu”...

Chữ Z thường được dùng trong nhà trường với bộ ba x-y-z luôn có mặt trong những bài toán tìm ẩn số; các đơn vị KHz, MHz hay kí hiệu Zn thường xuất hiện trong các bài học về lí, hóa. Tiếp đó là tên gọi của hàng loạt hóa chất như bazơ, saccarozơ, glucozơ, benzen... Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, các loại súng phản lực do Việt Nam sản xuất được đặt tên là DKZ và SKZ. Các xí nghiệp quốc phòng hiện nay cũng được

đặt tên bằng chữ Z: xí nghiệp Z 751, Z 755, Z 25... Chữ Z được dân ta đặc biệt ưa thích nên một số người đã thêm nó vào tên của mình (Dzoãn, Dzénh, Dzũng...), hoặc chêm vào từ thuần Việt (dzậy, dzũa, dzui dzẻ...) và thường nói câu “Từ A đến Z” thay cho câu lẽ ra phải nói là “Từ A đến Y”!

Nếu kể cả những tên người, tên đất và tên các sản phẩm của nước ngoài được viết đúng theo từ gốc trong các văn bản của nước ta, thì tần suất hiện diện của 4 chữ F, J, W, Z nhiều vô số kể. Đặc biệt là trong công nghệ thông tin, 4 chữ này đã trở thành những kí tự không thể thiếu và bắt buộc phải dùng. Theo đó, mọi website không chỉ gắn liền với chùm kí tự “www”, mà còn phải viết đúng chuẩn quốc tế không có những chữ cái biến thể của riêng Việt Nam nhưng luôn có 4 chữ mà bảng chữ cái nước ta không có (chẳng hạn như website của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam là www.vff.org.vn); trong khi các phím Shift, Page Down, F1, F2, F3, F4... là những quy chuẩn quốc tế trên bàn phím của máy vi tính mà ai cũng phải áp dụng.

Nếu 4 chữ này chỉ thỉnh thoảng xuất hiện ở vài từ nước ngoài trong các văn bản tiếng Việt, tương tự sự xuất hiện những từ Việt như “nước mắm”, “áo dài”, “nem”, “phở” hay “Tết” trong các văn bản tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, thì không có gì phải bàn, vì đó là những từ thuần túy nước ngoài được chêm vào bản ngữ chỉ là để tô điểm thêm cho văn bản. Nhưng 4 chữ cái này xuất hiện trong những trường hợp hoàn toàn khác:

(i) Chúng xuất hiện ở những từ tiếng

Việt (trong ngôn ngữ điện tín, trong các từ hoặc từ viết tắt do người Việt đặt ra: DKZ, SKZ, FAFILM, FAHASA, TFS, Z751, dzui dzẻ, Dzũng, Dzénh...). [4]

(ii) Chúng nằm trong các từ gốc nước ngoài nhưng phiên âm sang tiếng Việt (bazơ, saccarozơ, glucozơ, benzene, Jun – Len-xơ...), trong các kí hiệu quốc tế bắt buộc phải dùng (lực F, thang nhiệt độ F; các nguyên tố Flo, Fe, W, Zn, các đơn vị KHz, MHz, kí Jura, tần số FM, chùm kí tự www...), trong tên viết tắt từ tiếng Anh đã được quốc tế hóa trở nên thông dụng (UNICEF, FAO, IMF, FIFA, UEFC, AFC, FIDE, FIBA, WHO, WTO...). [4]

(iii) Chúng xuất hiện trong những từ nước ngoài đích thực nhưng không có từ Việt thay thế, hoặc nếu dịch hay phiên âm sang tiếng Việt sẽ trở nên rắc rối, thiếu chính xác so với dùng từ nguyên gốc (các thuật ngữ khoa học; các tên đất, tên người nước ngoài, các hãng sản xuất, nhãn hiệu sản phẩm; một số từ thông dụng như flash, fax, flan, cafe, jazz, jive, jambon, jaket, jeans, judo...). [4]

Như vậy, việc sử dụng 4 chữ cái này trong các trường hợp thứ nhất và thứ hai là đương nhiên và cần thiết. Trong trường hợp thứ ba, việc dùng các từ nước ngoài ở đây cũng đã được xã hội chấp nhận. Bởi vì chúng không có những từ đồng nghĩa bằng tiếng Việt để có thể thay thế; cũng không thể hoặc không nên phiên âm hay dịch nghĩa sang tiếng Việt. Vì thế, các từ nước ngoài này cần được coi là sự bổ sung cho tiếng Việt hiện đại, với danh nghĩa là “từ Việt gốc ngoại”, giống như “người Việt gốc ngoại” đang

tồn tại trên đất nước ta. Từ đó có thể nhận thấy rằng việc sử dụng rộng rãi 4 chữ cái F, J, W, Z trong những “từ Việt gốc ngoại” là một thực tế không thể bác bỏ.

Từ thực tế đã trình bày ở trên, một vấn đề bức xúc đã được đặt ra: F, J, W và Z đã trở thành các chữ cái thông dụng trong tiếng Việt nhưng chúng lại không có trong bảng chữ cái chính thức, nên việc sử dụng 4 chữ này trở nên bất hợp pháp, vì chúng là những chữ cái “ngoài luồng”, tức là những chữ được dùng lậu! Vấn đề này cho thấy sự bất cập của bảng chữ cái hiện hành, cần phải được bổ sung.

4. Giải pháp chuẩn hóa

Sự tồn tại của 7 chữ bị kì thị cùng 4 chữ được dùng lậu cho thấy bảng chữ cái tiếng Việt hiện hành thiếu tính chính xác và nhất quán để có thể áp dụng đầy đủ cho mọi trường hợp. Những chuẩn mực quốc tế trong thời đại văn minh thông tin đã chứng tỏ sự kì thị và dùng lậu như vậy lại là xác đáng và cần thiết. Do đó, vấn đề chuẩn hóa bảng chữ cái tiếng Việt cần phải được đặt ra một cách cấp bách, để việc sử dụng các chữ cái đó trở nên thỏa đáng.

Người đầu tiên thực hiện việc cải tiến văn quốc ngữ bằng cách bổ sung thêm chữ vào bảng chữ cái tiếng Việt hiện hành chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tấm danh thiếp gửi tặng báo Xung Phong - cơ quan của trẻ em yêu nước tỉnh Hải Dương năm 1947, Bác Hồ đánh máy:

*Bác nhận được báo Xung - Fong,
Cảm ơn các cháu có lòng gửi cho.*

*Các cháu nge Bác zặn zò
Fải biết yêu nước, fải lo học hành
Siêng làm việc, siêng tập tành,
Fải zữ kỷ luật, là thành cháu
ngoan.*

*Bác yêu các cháu vô vàn,
Bác gửi các cháu 1 ngàn cái hôn* [6].

Mở đầu cuốn Sổ vàng của Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương tháng 9-1949, Bác viết: “*Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phục sự Đoàn thể, phục sự zai cấp và nhân zân, phục sự Tổ quốc và nhân loại. Muốn đạt mục đích thì fải cần, kiệm, liêm, chính; chí công, vô tư*” [2]. Tất cả các bản gốc viết tay (hoặc đánh máy) của Bác trong mọi văn kiện đều sử dụng văn quốc ngữ như vậy. Cho đến bản Di chúc thiêng liêng được hoàn tất vào ngày 10-5-1969, Bác viết:

Cuộc chống Mĩ cứu nước của nhân zân ta zù phải kinh qua zan khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn. Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp 2 miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ fụ lão, các cháu th.niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta. Kế đó, tôi sẽ thay mặt nhân zân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong fe x.h.c.ngĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và zúp đỡ cuộc chống Mĩ, cứu nước của nhân zân ta... [1].

Khi nhận được những bản thảo viết tay hay đánh máy như vậy của Bác Hồ, các cơ quan xuất bản hoặc truyền thông nước ta mặc nhiên “biên tập” lại từ ngữ đặc biệt của Bác theo khuôn mẫu chính tả

thông dụng trước khi cho xuất bản - phát hành (với sự ngầm hiểu rằng Bác đã viết “sai chính tả”!), mà không ai suy nghĩ xem tại sao Bác lại viết như vậy. Hồ Chí Minh không phải là một học giả hàn lâm - kinh viện, nên Bác không viết một chuyên khảo nào về vấn đề cải tiến văn quốc ngữ. Nhưng là một nhà hoạt động thực tiễn xuất chúng, tinh thông hàng chục ngoại ngữ (Pháp, Anh, Hán, Tây Ban Nha, Ý, Đức, Nga, Thái, Ả-Rập...), Bác đã nhận rõ để phê phán những nhược điểm và thiếu sót của bảng chữ cái tiếng Việt và văn quốc ngữ hiện hành, đồng thời đề xuất quan điểm sửa đổi bằng chính cách viết của mình. Quan điểm đó là:

- Bỏ sung chữ F vào bảng chữ cái để thay cho vần PH trong mọi trường hợp (xung fong, fải, fụng sự, fụ lão, fe...);
- Bỏ sung chữ Z để thay cho chữ D (zận zò, zữ, nhân zân, zù...) và thay cho vần GI (zai cấp, zan khổ, zúp đỡ...);
- Bỏ vần NGH, nhất loạt sử dụng vần NG (nge, xã hội chủ nghĩa...).

Hình thành ngay từ những thập kỉ giữa thế kỉ XX, quan điểm này cho thấy tư duy sâu sắc và tầm nhìn xa của Hồ Chí Minh đối với ngôn ngữ dân tộc. Được đề xuất cách nay đã nửa thế kỉ, dĩ nhiên quan điểm này chưa bao quát hết những vấn đề đặt ra cho tiếng Việt trong xã hội hiện đại, nhưng nguyên tắc cơ bản trong đó vẫn còn nguyên giá trị để định hướng cho việc cải tiến bảng chữ cái và văn quốc ngữ của tiếng Việt hiện đại.

Theo định hướng đó, giải pháp khả thi trước mắt cho việc cải tiến văn quốc ngữ chính là việc bổ sung 4 chữ F, J, W,

Z vào bảng chữ cái hiện hành để bảo đảm cho việc sử dụng chúng trong mọi trường hợp đều hợp pháp. Tiếp theo, sẽ xem xét về những tác dụng mới của 4 chữ này cùng với vị trí và vai trò của 7 chữ cái biến thể đối với văn quốc ngữ và bảng chữ cái. Cho đến nay, các nhà ngôn ngữ học vẫn chưa giải thích được rằng vì sao khi sáng tạo ra chữ quốc ngữ, giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã loại bỏ 4 chữ cái gốc Latin nêu trên; để rồi phải dùng PH thay cho F, dùng GI thay cho J và dùng D để ghi cái âm đáng lẽ thuộc về Z; rồi lại phải chế ra chữ Đ để ghi cái âm vốn thuộc về D? Sau khi đã bổ sung 4 chữ đó vào bảng chữ cái thì việc sử dụng chúng trong thực tiễn sẽ góp phần giải đáp câu hỏi này. Từ đó, vấn đề các chữ biến thể sẽ tồn tại như thế nào và được đặt ở đâu trong bảng chữ cái sẽ dần sáng tỏ. Rất có thể sẽ bỏ chữ Đ để trả lại vai trò chính xác của chữ D (tức là dùng D thay cho Đ), rồi dùng Z thay cho chữ D hiện hành. Còn 6 chữ biến thể kia vẫn tồn tại không thể thay thế, nhưng nên coi chúng là những biến thể về âm của A, E, O, U chứ không phải chữ cái cơ bản (nghĩa là trở lại với quan điểm của “Quốc văn Giáo khoa thư” năm 1925). Từ đó, các chữ Ǻ, Ǻ, Ê, Ô, Ơ, Ư sẽ không nằm trong bảng chữ cái cơ bản, mà được đưa vào một “phụ chú” nào đó.

Sau khi đã bổ sung và điều chỉnh vị trí các chữ cái như trên, bảng chữ cái tiếng Việt hiện đại sẽ bao gồm 26 chữ cái cơ bản, kèm theo 6 chữ “phụ chú” giống như các bảng chữ cái Latin của các nước khác. Chẳng hạn, Bảng chữ cái tiếng Pháp (Alphabet Francais) gồm 26 chữ cơ

bản, kèm theo đến 16 chữ không chỉ “đội mũ, thêm râu” mà còn “có đuôi” hoặc “hai chập một” nằm trong phần phụ chú (à, â, c có đuôi, é, è, ê, ô, ù, ÿ...) [7]. Theo đó, bảng chữ cái tiếng Việt chuẩn hóa có thể trình bày như sau (với 26 chữ cơ bản và 6 phụ chú trong dấu ngoặc):

A (Ă, Â), B, C, D, E (Ê), F, G, H, I, J, K, L, M, N, O (Ô, Ơ), P, Q, R, S, T, U (U), V, W, X, Y, Z.

Bảng chữ cái này sẽ được áp dụng nhất quán, chính xác và hợp pháp mọi lúc, mọi nơi trong mọi trường hợp, không còn những chữ cái bị kì thị (vì chúng chỉ là phụ chú) hoặc dùng lậu (vì đã đủ các chữ cơ bản rồi). Dĩ nhiên, sự đổi mới bảng chữ cái sẽ dẫn tới những sự biến đổi

lớn về cách ghép vần quốc ngữ: chữ Z sẽ thay cho chữ D hiện hành, F rất có thể sẽ thay cho PH hiện hành đúng như quan điểm của Bác Hồ, còn J có thể thay cho GI hiện hành... Tuy nhiên, những sự thay đổi cách ghép vần là vấn đề quan trọng phải được tiếp tục nghiên cứu đầy đủ trước khi áp dụng.

5. Kết luận

Dù sao đi nữa, chuẩn hóa bảng chữ cái như trên cũng là một việc rất khó khăn và phức tạp, vì nó liên quan nhiều vấn đề hệ trọng của vần quốc ngữ đã quen được sử dụng từ hàng trăm năm nay. Vì vậy, các giải pháp để chuẩn hóa bảng chữ cái cần phải được nghiên cứu kĩ và tiến hành từng bước một cách thận trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), “Bản Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh sửa chữa năm 1969” (ảnh chụp), *Báo điện tử*, 20-3-2010.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Bút tích Bác Hồ ghi ở trang đầu quyển Sổ vàng của Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tháng 9-1949 (ảnh chụp), Nxb Chính trị Quốc gia, 1995, Hà Nội.
3. Lê Vinh Quốc (2010), “Mấy vấn đề về bảng chữ cái tiếng Việt và một quan điểm cải tiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc “Phát triển và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong thời kì hội nhập quốc tế hiện nay”*, Trường Đại học Sài Gòn và Trường Đại học HUFLIT ấn hành tháng 6-2010.
4. Lê Vinh Quốc, Trương Phi Ngọc (2010), “Bác Hồ cải tiến vần quốc ngữ”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Chủ tịch Hồ Chí Minh - một tầm nhìn chiến lược về giáo dục và sự phạm”*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ấn hành, tháng 12-2010.
5. Nha Học chính Đông Pháp (1925), *Quốc văn Giáo khoa thư - Lớp Đồng ấu*, tài liệu sưu tầm của Trần Thị Thanh Thanh.
6. Trần Đình Tú (2007), “Xung Phong - tờ báo có một không hai”, tám danh thiếp Bác Hồ tặng ông chủ bút Quân Tập và đồng nghiệp (ảnh chụp), *Báo Tuổi trẻ* ngày 21-6-2007.
7. http://fr.wikipedia.org/wiki/Alphabet_fran%C3%A7ais

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-12-2012; ngày phản biện đánh giá: 20-4-2013; ngày chấp nhận đăng: 20-5-2013)